TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **353**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 450/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T.**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện S., tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Ma Văn K.,** sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện S., tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị T.** và anh **Ma Văn K..**

(Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2009, quyển số 03, ngày 03 tháng 11 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Giao cháu Ma Quốc C, sinh ngày 06/10/2010 cho anh Ma Văn K. là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Giao cháu Ma Khánh H, sinh ngày 27/6/2014 cho chị Trần Thị T. là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Trần Thị T. và anh Ma Văn K. không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung:*** Chị Trần Thị T. và anh Ma Văn K. đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về vay nợ chung:*** Chị Trần Thị T. và anh Ma Văn K. đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Trần Thị T. phải nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001984569, ngày 10/10/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001521, ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Trần Thị T. số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Ma Văn K. không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến